

Bản án số: 282/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 01 - 7 - 2024  
V/v Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trường.

Ông Duyên Văn Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Trọng H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Lê Kim Y, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2024 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:** Vào năm 2021 ông H và bà Y tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 28/5/2021 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 60/2021). Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn ông H xác định giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều chuyện bất hoà với nhau, dẫn đến vợ chồng nhiều lần cự cãi với nhau, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không hoà giải được và không thống nhất với nhau về quan điểm.

Ông H yêu cầu ly hôn với bà Y.

**- Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt và lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện:** Thống nhất với lời trình bày của ông H về hôn nhân, về con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn bà Y cho rằng vợ chồng mâu thuẫn vấn đề về kinh tế gia đình, nên vợ chồng không sống chung từ tháng 8/2022 cho đến nay.

Bà **Y** đồng ý ly hôn với ông **H**. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu xem xét giải quyết.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại **huyện T, tỉnh Cà Mau** nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn và bị đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[3.1.1] Mọi quan hệ hôn nhân giữa ông **H** và bà **Y** được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3.1.2] Xét thấy trong cuộc sống hôn nhân ông **H** và bà **Y** không thực hiện tốt việc bình đẳng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mà lại làm cho mối quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và trong quá trình giải quyết vụ án ông **H** và bà **Y** đều thể hiện ý chí cương quyết và tự nguyện ly hôn với nhau, nên có căn cứ xác định được ông **H** và bà **Y** không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và giữa đôi bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho ông **H** và bà **Y** ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình (LHNGĐ) và khoản 2, 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2014/NQ-HĐTP ngày 16/5/2014 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình (Nghị quyết 01). Giấy chứng nhận kết hôn số: 60/2021 ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã **K** hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.2] *Về con chung:* Ông **H** và bà **Y** xác định không có.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông **H** và bà **Y** không có yêu cầu trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Trước khi mở phiên tòa, ông **H** và bà **Y** đã có ý kiến tự nguyện ly hôn với nhau, nên ông **H** và bà **Y** phải chịu 50% mức án phí ly hôn là 150.000 đồng (mỗi bên chịu 25% là 75.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản

6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết 326) và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01. Ông H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đổi trừ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của BLTTDS; Điều 51, Điều 56 LHNGĐ; Khoản 2, 3 Điều 4 và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trọng H.

- Về hôn nhân: Cho ông Lê Trọng H ly hôn với bà Lê Kim Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 60/2021 ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Trọng H phải nộp án phí ly hôn là 75.000 đồng, ông Lê Trọng H đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004744 ngày 26/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đổi trừ, ông Lê Trọng H được hoàn lại 225.000 đồng.

+ Bà Lê Kim Y phải nộp án phí ly hôn là 75.000 đồng (chưa nộp).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hưng;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Huỳnh Hải**